

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2026 của UBND phường Từ Liêm)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên chỉ tiêu	Dự toán Thành phố giao năm 2026	Dự toán phường giao năm 2026	Quý I					Ghi chú
				Dự toán phường giao Quý I	Thực hiện	So sánh			
						Thực hiện/DT Thành phố giao năm 2026	Thực hiện/DT phường giao năm 2026	Thực hiện/DT phường giao Quý I	
	Tổng số	791,964	791,964	159,370	161,878	20.44%	20.44%	102%	
I	Chi đầu tư phát triển	212,300	212,300	19,290	14,964	7%	7%	78%	
	<i>Trong đó:</i>								
-	Chi từ chuyên nguồn năm trước chuyển sang								
1	Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung theo phân cấp	113,800	113,800			0%	0%		
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	20,000	20,000	7,290		0%	0%	0%	
3	Bổ sung vốn đầu tư	78,500	78,500	12,000	14,964	19%	19%		
3.1	Bổ sung vốn đầu tư XD CB								
3.2	Bổ sung vốn Chương trình MTQG, Thành phố	78,500	78,500	12,000	14,964	19%	19%		
II	Chi thường xuyên các lĩnh vực	561,352	561,352	140,080	146,914	26%	26%	105%	
1	Chi sự nghiệp quốc phòng	8,918	8,918	2,230	2,396	27%	27%	107%	
2	Chi sự nghiệp an ninh	10,450	10,450	2,613	2,249	22%	22%	86%	
3	Chi sự nghiệp giáo dục	331,263	331,263	82,815	66,914	20%	20%	81%	
4	Chi khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo	4,945	4,945	1,236	-	0%	0%	0%	
5	Chi sự nghiệp y tế và dân số	47,773	47,773	11,943	3,834	8%	8%	32%	
6	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	4,991	4,991	1,130	1,021	20%	20%	90%	
7	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	200	200	45	-	0%	0%	0%	
8	Chi sự nghiệp thể thao	600	600	130	-	0%	0%	0%	
9	Chi sự nghiệp môi trường	35,987	35,987	8,994	31,875	89%	89%	354%	
10	Chi sự nghiệp kinh tế	12,600	12,600	3,150	-	0%	0%	0%	
11	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	62,252	62,252	15,561	20,469	33%	33%	132%	
12	Chi đảm bảo xã hội	39,161	39,161	9,790	17,956	46%	46%	183%	
13	Chi thường xuyên khác	2,212	2,212	443	200	9%	9%	45%	
III	Các nhiệm vụ chi khác (nếu có)	-	-	0					
VI	Dự phòng ngân sách	18,312	18,312						

#REF!

UBND PHƯỜNG TỪ LIÊM

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 (ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2026 của UBND phường Từ Liêm)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số lượng dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mới tái khoản của dự án	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án đầu tư		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước		Ngân sách cấp Phường tự cân đối					Điều chỉnh tăng		Điều chỉnh giảm		Ngân sách cấp Phường tự cân đối					Ghi chú			
									Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư		Tổng số	Trong đó, năm 2025	Tổng số	Trong đó, năm 2025	Tổng số	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung theo phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó		Nguồn xây dựng cơ bản tập trung theo phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung theo phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung theo phân cấp		Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó	
										Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước								Tổng số	Trong đó, năm 2025									Tổng số	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung theo phân cấp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30		
I	Tổng số	11								490,215	490,215	61,515	49,050	94,560	81,250	13,310	-	-	51,090	13,310	51,090	13,310	94,560	81,250	13,310	-	-			
I	Ngành, lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	2								251,803	251,803	457	200	24,400	24,400	-	-	-	48,000	-	24,000	-	48,400	48,400	-	-	-			
1	Cải tạo, sửa chữa và xây dựng bổ sung phòng học trường THCS Mễ Trì	1	Phường Từ Liêm	KBNN KV1-PGD số 10	Ban QLDA đầu tư - hạ tầng phường Từ Liêm	8110657	070-073	2024-2026	914/QĐ-UBND 14/11/2025	72,003	72,003	100	100	24,000	24,000	-	-	-			24,000		-	-	-	-	-			
2	Xây dựng trường mầm non Phú Đô	1	Phường Từ Liêm	KBNN KV1-PGD số 10	Ban QLDA đầu tư - hạ tầng phường Từ Liêm	7501152	070-071	2016 - 2027	487/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	179,800	179,800	357	100	400	400	-	-	-	48,000				48,400	48,400	-	-	-			
III	Ngành, lĩnh vực Văn hóa - Thông tin	2								104,105	104,105	54,237	47,000	19,000	19,000	-	-	-	-	-	4,000	-	15,000	15,000	-	-	-			
1	Tu bổ, tôn tạo chùa Thanh Quang (chùa Nhân Mỹ) giai đoạn 2, phường Mỹ Đình 1	1	Phường Từ Liêm	KBNN KV1-PGD số 10	Ban QLDA đầu tư - hạ tầng phường Từ Liêm	8029941	160-161	2023-2026	2953/QĐ-UBND 26/9/2023; 870/QĐ-UBND 08/11/2025	34,123	34,123	24,237	17,000	2,000	2,000	-	-	-			2,000		-	-	-	-	-			
2	Tu bổ, tôn tạo chùa Thiên Trúc, phường Mễ Trì	1	Phường Từ Liêm	KBNN KV1-PGD số 10	Ban QLDA đầu tư - hạ tầng phường Từ Liêm	8100225	160-161	2024-2026	2956/QĐ-UBND 10/12/2024	69,982	69,982	30,000	30,000	17,000	17,000	-	-	-			2,000		15,000	15,000	-	-	-			
IV	Ngành, lĩnh vực các hoạt động Kinh tế	7								134,308	134,308	6,821	1,850	51,160	37,850	13,310	-	-	3,090	13,310	23,090	13,310	31,160	17,850	13,310	-	-			
IV.1	Giao thông	5								73,665	73,665	5,271	750	31,160	17,850	13,310	-	-	3,090	13,310	16,780	13,310	17,470	4,160	13,310	-	-			
1	Cải tạo, mở rộng đường từ đường Nguyễn Cơ Thạch (ngõ 25) đến ngõ 2 đường Lê Đức Thọ	1	Phường Từ Liêm	KBNN KV1-PGD số 10	Ban QLDA đầu tư - hạ tầng phường Từ Liêm	7717184	280-292	2024-2026	3929/QĐ-UBND 11/12/2023	29,936	29,936	4,241	50	18,090	4,780	13,310	-	-			4,780	13,310	-	-	-	-	-			
2	Xây dựng tuyến đường Mễ Trì Hạ kéo dài đến đường Đỗ Đức Dục, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	1	Phường Từ Liêm	KBNN KV1-PGD số 10	Ban QLDA đầu tư - hạ tầng phường Từ Liêm	7863725	280-292	2020-2027	1216/QĐ-UBND 07/6/2022; 3953/QĐ-UBND 15/12/2023; 871/QĐ-UBND 08/11/2025	22,921	22,921	730	400	12,000	12,000	-	-	-			12,000		-	-	-	-	-			
3	Cải tạo, chỉnh trang hệ phố Đỗ Đức Dục	1	Phường Từ Liêm	KBNN KV1-PGD số 10	Ban QLDA đầu tư - hạ tầng phường Từ Liêm	8160715	280-312	2025-2026	321/QĐ-UBND 12/3/2026	7,296	7,296	100	100	350	350	-	-	-	5,800			6,150	350	5,800	-	-				
4	Cải tạo, chỉnh trang hệ phố Miếu Đàm	1	Phường Từ Liêm	KBNN KV1-PGD số 10	Ban QLDA đầu tư - hạ tầng phường Từ Liêm	8160707	280-312	2025-2026	323/QĐ-UBND 12/3/2026	5,083	5,083	100	100	280	280	-	-	-	3,090	910		4,280	3,370	910	-	-				
5	Cải tạo, chỉnh trang hệ phố Hàm Nghi (Đoạn từ phố Lê Đức Thọ đến giáp ranh giới khu đô thị Vinhomes Gardenia)	1	Phường Từ Liêm	KBNN KV1-PGD số 10	Ban QLDA đầu tư - hạ tầng phường Từ Liêm	8160708	280-312	2025-2026	322/QĐ-UBND 12/3/2026	8,428	8,428	100	100	440	440	-	-	-	6,600			7,040	440	6,600	-	-				
IV.2	Hạ tầng	2								60,643	60,643	1,550	1,100	20,000	20,000	-	-	-	-	-	6,310	-	13,690	13,690	-	-	-			
1	Vườn hoa phục vụ lợi ích công cộng	1	Phường Từ Liêm	KBNN KV1-PGD số 10	Ban QLDA đầu tư - hạ tầng phường Từ Liêm	7885033	280-312	2022-2027	1219/QĐ-UBND 07/6/2022; 3955/QĐ-UBND 15/12/2023; 896/QĐ-UBND 11/11/2025	11,940	11,940	779	600	5,000	5,000	-	-	-			3,000		2,000	2,000	-	-	-			
2	Xây dựng HTKT cum công trình hạ tầng xã hội phường Mễ Trì (gồm Trung tâm văn hóa thể thao; Trường mầm non; công an; Đất xây dựng các công trình phục vụ sinh hoạt văn hóa, công đồng, khu cây xanh, sân thể dục thể thao phục vụ cư dân khu vực ...)	1	Phường Từ Liêm	KBNN KV1-PGD số 10	Ban QLDA đầu tư - hạ tầng phường Từ Liêm	7882403	280-312	2022-2026	3199/QĐ-UBND 28/11/2022; 2942/QĐ-UBND 10/12/2024	48,704	48,704	771	500	15,000	15,000	-	-	-			3,310	-	11,690	11,690	-	-	-			